

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP KIM MINH LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP KIM MINH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH LONG ALLOY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108612054

**3. Ngày thành lập:** 12/02/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 33 phố Linh Đường, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                          | 4102        |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                    | 4211        |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                   | 4511        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                 | 4610        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ ( Trừ loại Nhà nước cấm) | 1629        |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>( trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                              | 4662(Chính) |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                | 4669        |
| 8.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4771        |
| 9.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)               | 5610        |
| 10. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                         | 4221        |
| 11. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                               | 4223        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                       | 4299        |
| 13. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                      | 4512        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                   | 4649 |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                         | 8299 |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7710 |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730 |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320 |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101 |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4212 |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4222 |
| 23. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4229 |
| 24. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4291 |
| 25. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4292 |
| 26. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4293 |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>( trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                        | 4530 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                         | 4931 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4932 |
| 30. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>( trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                          | 4620 |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                    | 4659 |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN DUY MINH | Thôn Lương Châu, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 174.000    | 1.740.000.000         | 60,000    | 012011540                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                                          | Tổng số           | 174.000    | 1.740.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
| 2   | ĐÀO TIẾN CAN    | Phòng 1405-D1, khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 87.000     | 870.000.000           | 30,000    | 125610773                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                                          | Tổng số           | 87.000     | 870.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM HƯƠNG HUẾ  | Thôn Lương Châu, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 29.000     | 290.000.000           | 10,000    | 011959230                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                                          | Tổng số           | 29.000     | 290.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM HƯƠNG HUẾ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/08/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011959230

Ngày cấp: 08/01/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lương Châu, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 804 tòa nhà VP4 Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội